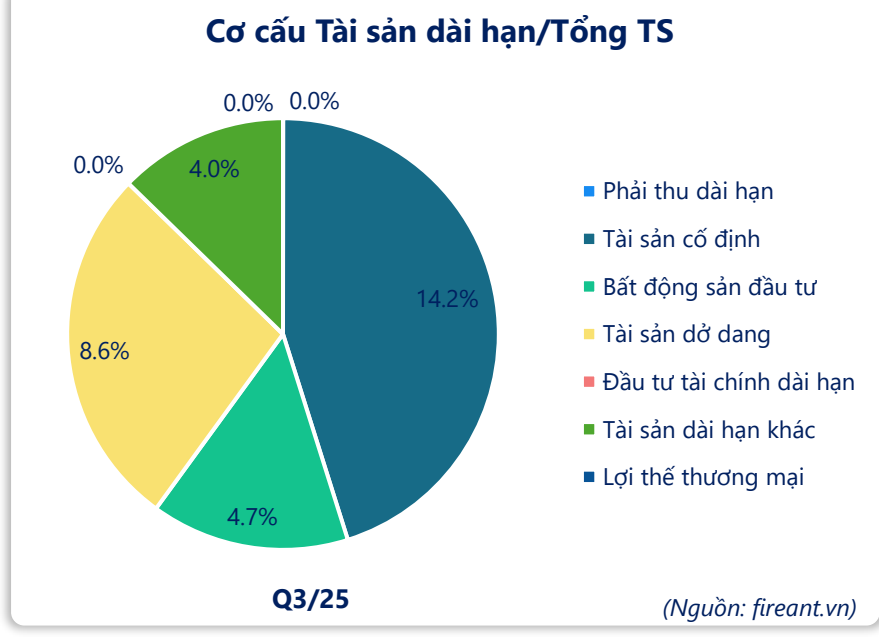
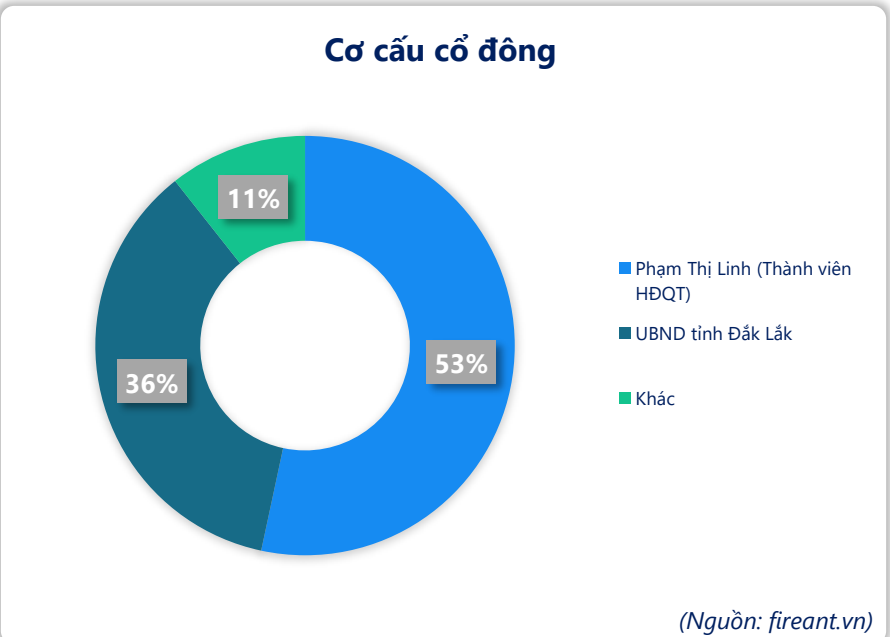
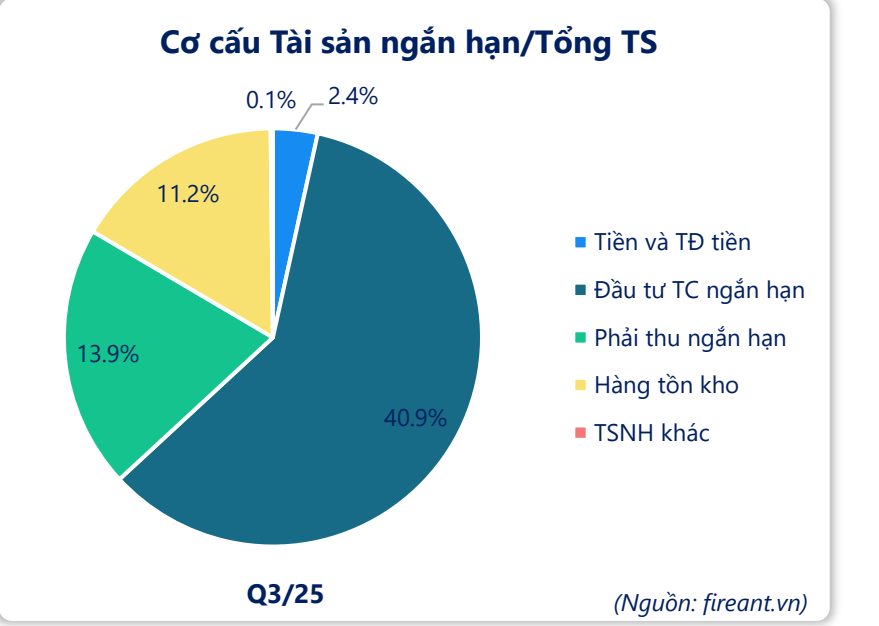
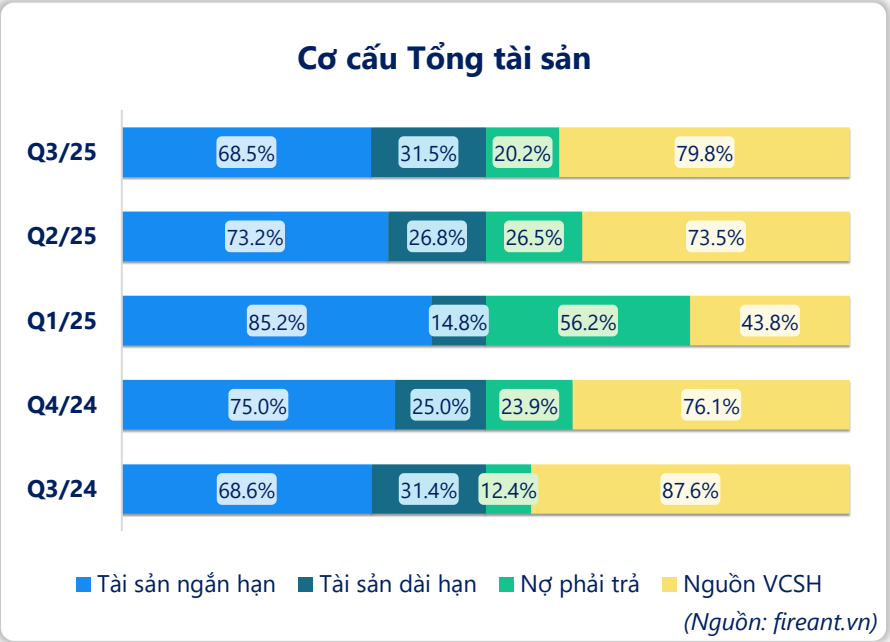
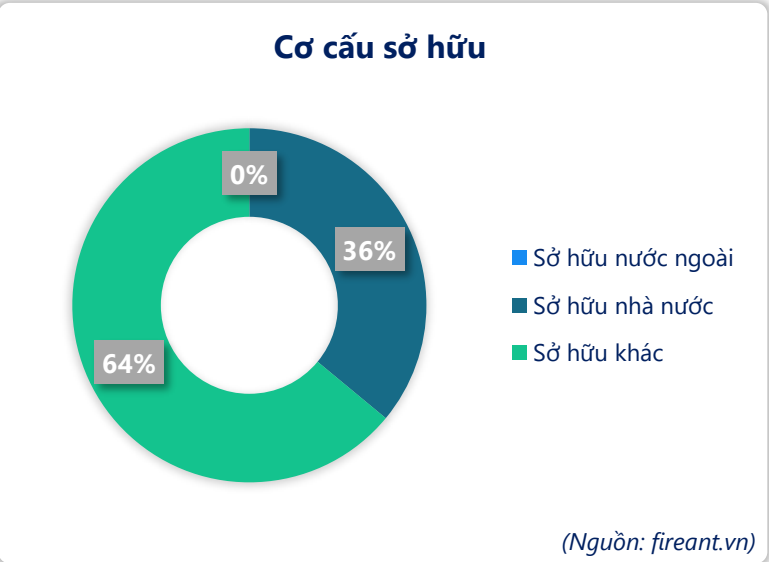
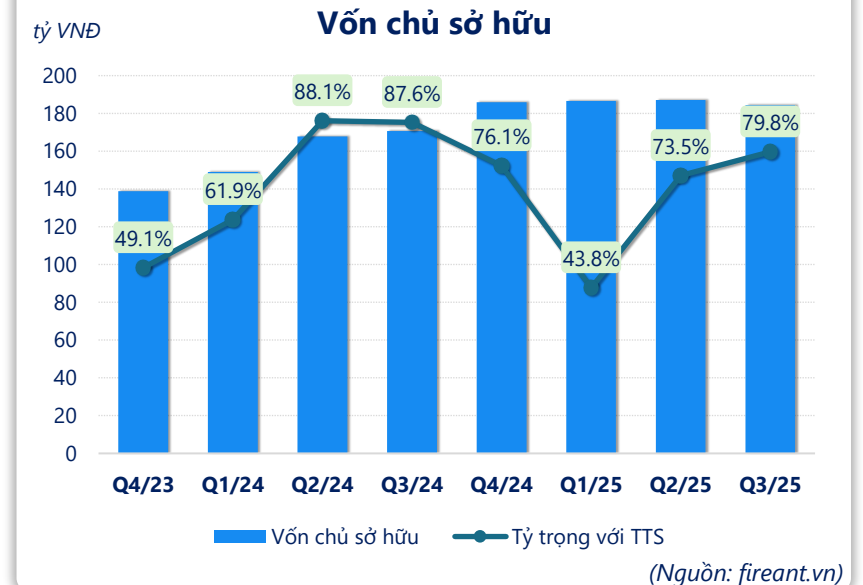
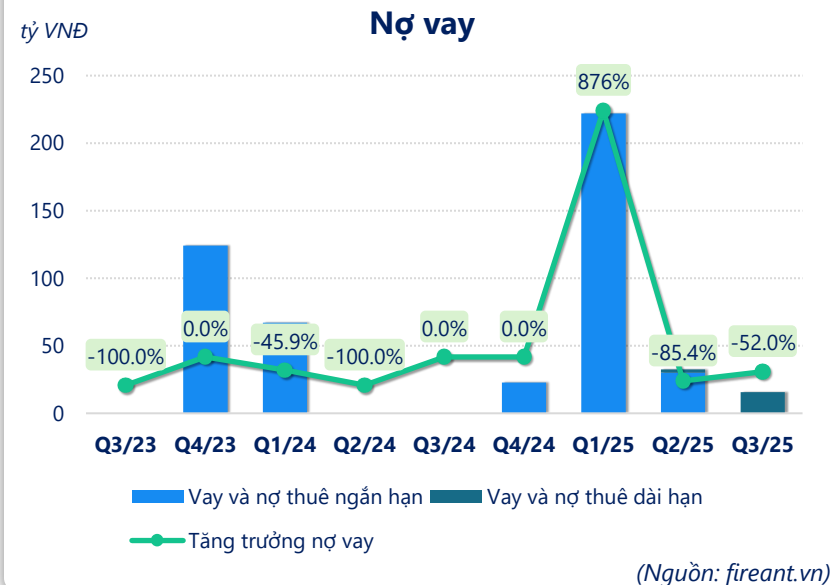
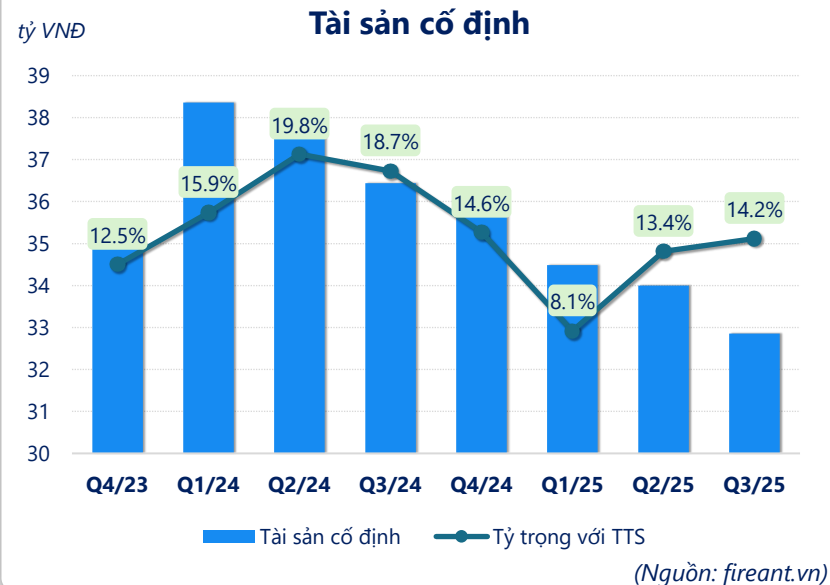
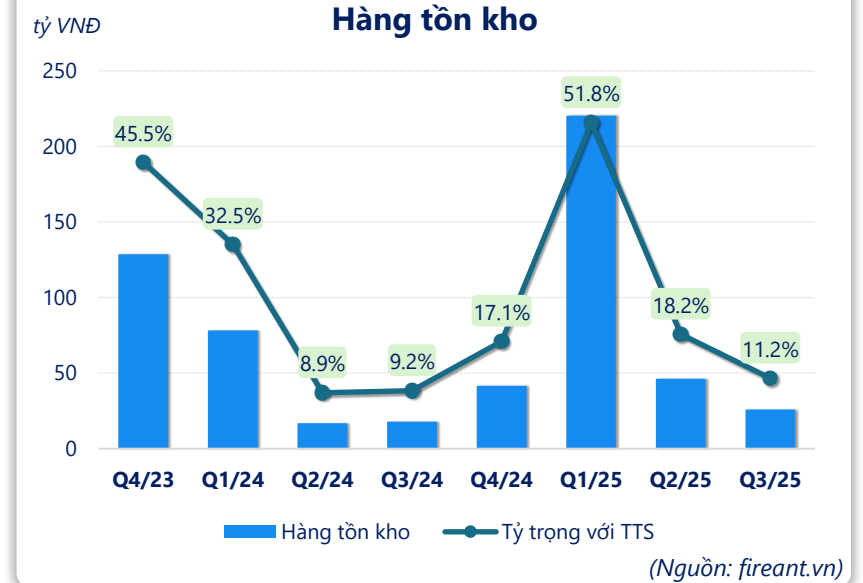
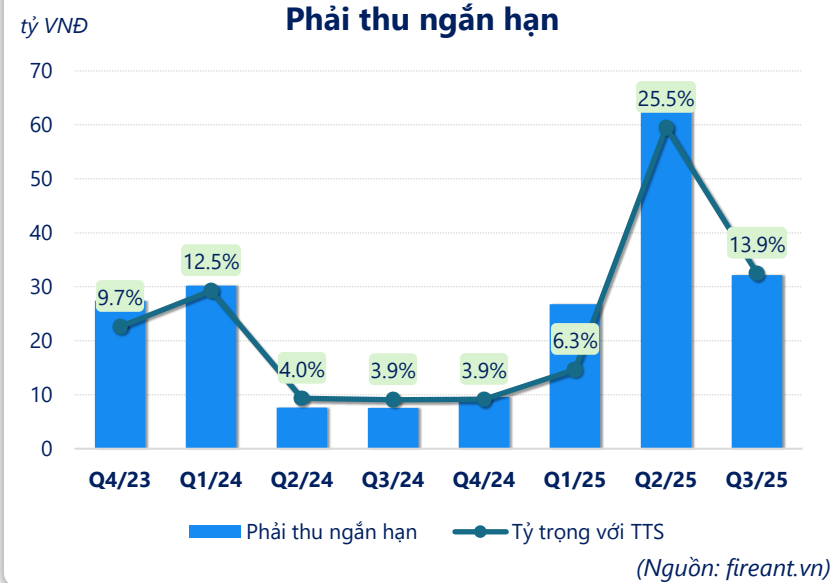
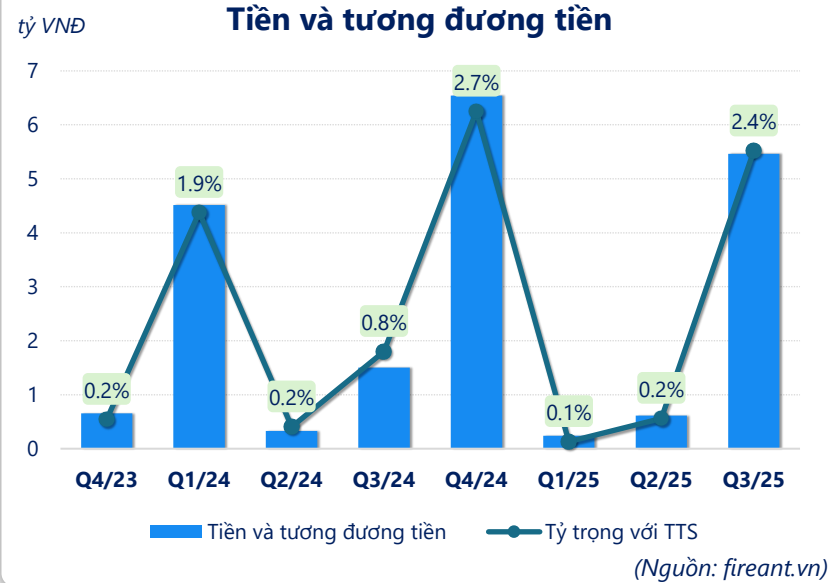
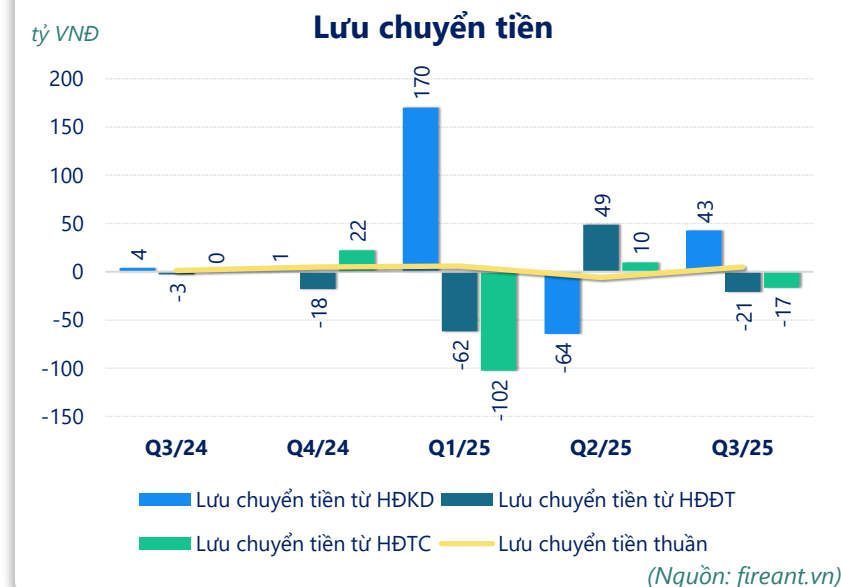
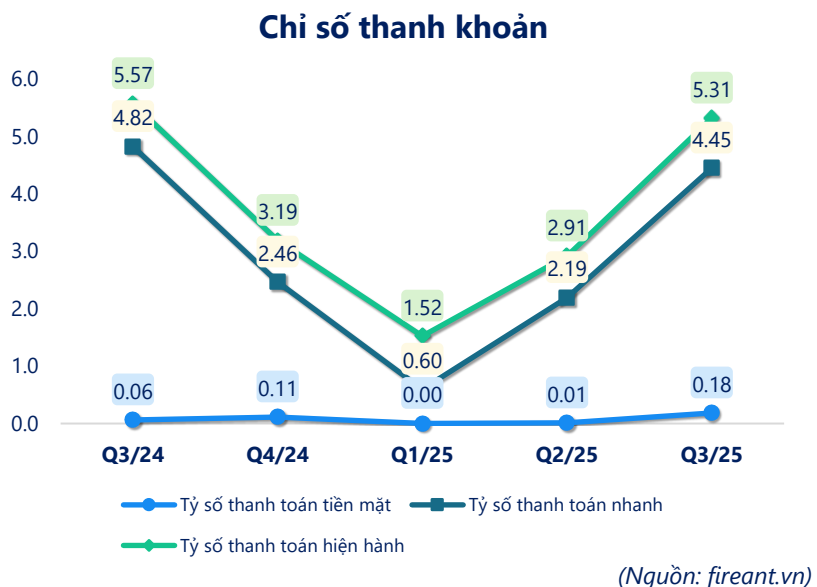
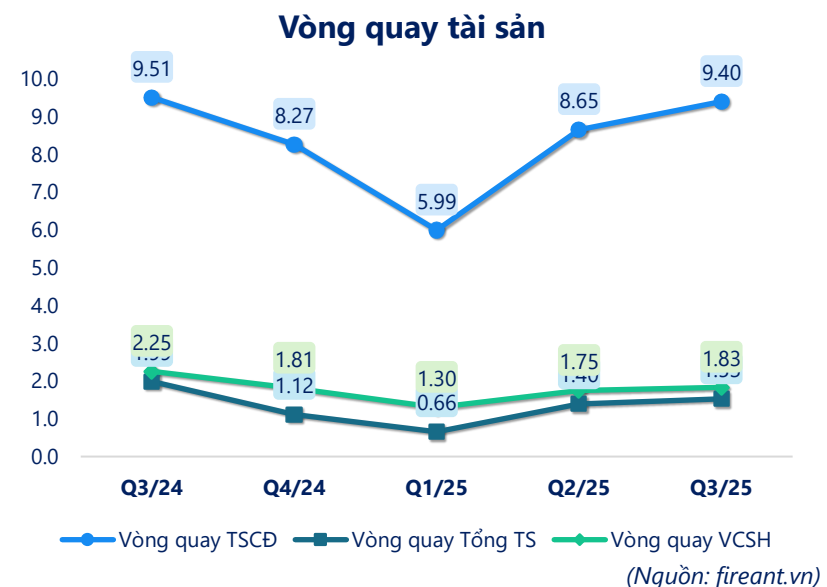
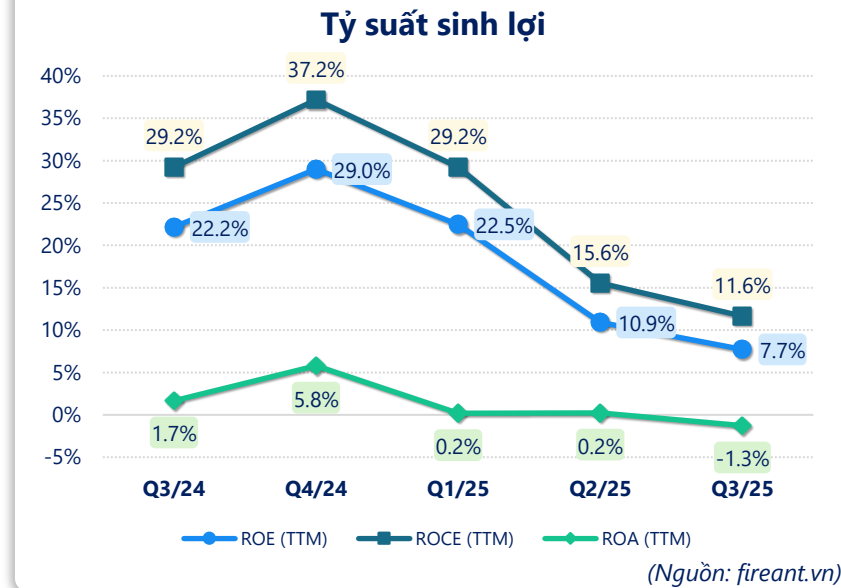
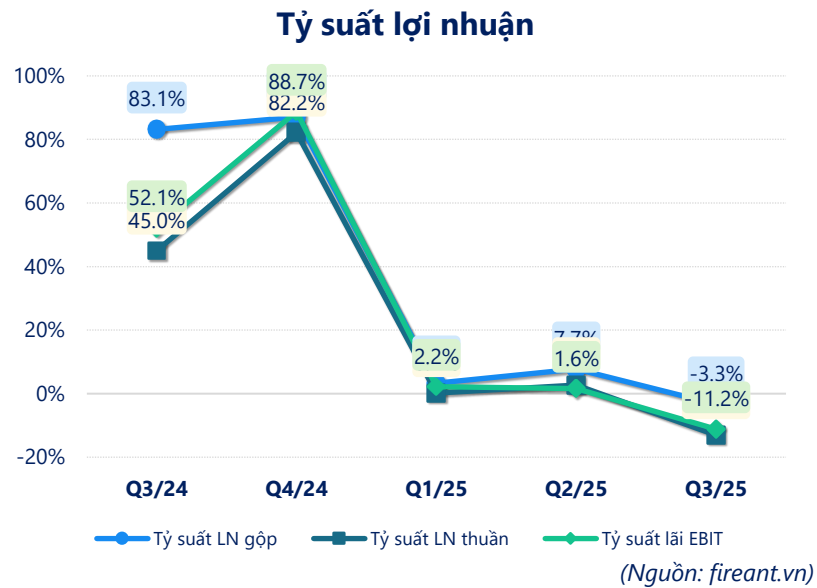
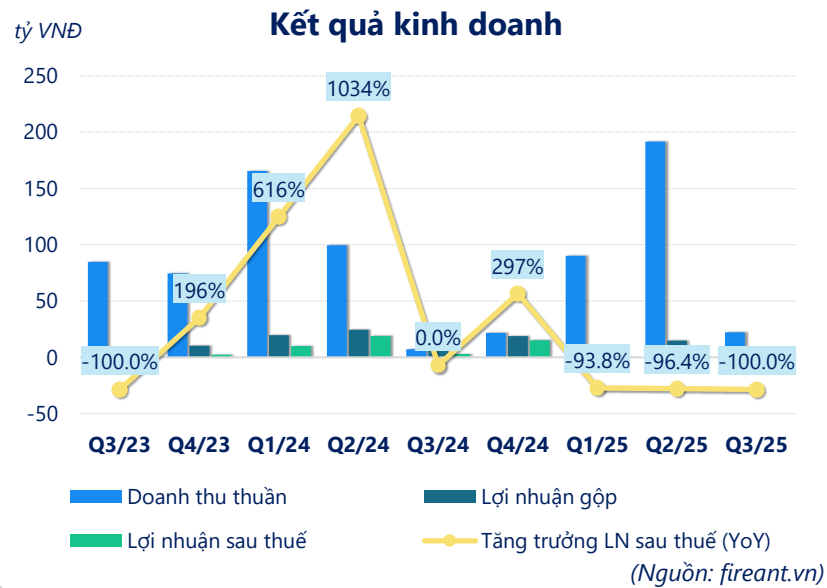


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		44,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,500
SL cổ phiếu LH		12,650,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		425
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		371
P/E		27.0
EPS		1,084

	YTD	1T	3T	6T
CFV	15.8%	23.6%	12.7%	0.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	231	243	-5.0%
Tài sản ngắn hạn	158	182	-13.1%
Tiền và tương đương tiền	5.46	6.54	-16.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	94.4	125	-24.7%
Phải thu ngắn hạn	32.2	8.42	282%
Hàng tồn kho	25.9	41.7	-38.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.16	72.0%
Tài sản dài hạn	72.8	60.9	19.5%
Phải thu dài hạn	0.02	0	
Tài sản cố định	32.9	35.7	-8.0%
Bất động sản đầu tư	10.8	11.9	-9.0%
Tài sản dở dang	19.9	3.61	450%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.25	9.68	-4.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.7	57.2	-18.4%
Nợ ngắn hạn	29.8	56.4	-47.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	22.7	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.68	1.18	-42.3%
Nợ dài hạn	16.9	0.76	2137%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.6	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	184	186	-0.8%
Vốn chủ sở hữu	184	186	-0.8%
Vốn điều lệ	127	127	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	7.13	21.6	90.1	192	22.3
Giá vốn hàng bán	1.20	2.80	87.1	177	23.0
Lợi nhuận gộp	5.93	18.8	2.96	14.7	-0.74
Doanh thu HĐTC	0.05	2.71	2.07	3.28	0.56
Chi phí TC	0.00	0.71	1.40	7.55	0.29
Chi phí lãi vay	0	0.02	1.20	2.25	0.22
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.67	0.89	1.62	2.63	0.84
Chi phí QLDN	2.10	2.17	1.84	2.54	1.60
LN thuần từ HĐKD	3.21	17.8	0.17	5.27	-2.91
Lợi nhuận khác	0.50	1.41	0.61	-4.53	0.20
LN trước thuế	3.72	19.2	0.77	0.74	-2.71
Lợi nhuận sau thuế	2.93	15.2	0.62	0.55	-2.71
LNST của CĐ cty mẹ	2.93	15.2	0.62	0.55	-2.71

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.76	0.69	170	-64.4	42.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.58	-18.0	-61.6	48.7	-21.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	22.3	-102	9.72	-16.7
Tiền đầu kỳ	0.33	1.50	0.66	6.54	0.61
Lưu chuyển tiền thuần	1.17	5.04	5.89	-5.93	4.85
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	1.50	6.54	6.54	0.61	5.46

(Nguồn: fireant.vn)